TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2022/HNGĐ – ST.
Ngày 13-6-2022.
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Phượng

- *Các hội thẩm nhân dân:* - Ông Bùi Hoàng Sơn;

- Bà Phạm Thị Thùy Dung;

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Ông Hoàng Công Đức – Thư ký Toà án nhân dân Huyện Ea H'Leo.

- *Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Ông Trịnh Văn Hai – Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2022 tại phòng xử án - TAND huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2022/TLST, ngày 17 tháng 01 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hôn nhân & gia đình*", giữa :

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ch, sinh năm 1961, vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Trú tại: Thôn A, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1963; vắng mặt

Trú tại: Thôn A, xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN THẤY

1. ***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, lời khai của nguyên đơn thể hiện:***

Tôi chung sống với ông Cvào năm 1980, đến ngày 20/7/2015 thì chúng tôi làm đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Việc chúng tôi kết hôn là

hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do chúng tôi không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống nên hay có xung đột, cãi nhau. Ông C thường hay uống rượu say xỉn rồi về chửi bới tôi, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vì vậy, tôi đã đi làm ăn xa và sống ly thân với ông C hơn 10 năm nay, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại cũng không đạt mục đích gì. Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với ông C, nên xin được ly hôn.

Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung, gồm: Bùi Thị B - sinh năm 1983, Bùi Quang H - sinh năm 1989. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. ***Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tiếp theo, lời khai của bị đơn thể hiện:***

Tôi chung sống với cô Ch vào năm 1982, đến năm 2015 thì chúng tôi làm đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện EH, tỉnh Đắk Lắk. Trong cuộc sống chung do tôi hay nóng nảy, có những lời nói không chuẩn mực, dẫn đến vợ chồng xung đột và mâu thuẫn, nên vợ tôi đã đi làm ăn xa. Tôi cố gắng thay đổi bản thân để vợ chồng đoàn tụ vì con cái. Vì vậy tôi không đồng ý ly hôn với cô Ch mà xin được đoàn tụ.

Về con Chung: Chúng tôi có 02 con chung như cô Ch trình bày, các con tôi đã lớn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Nếu phải ly hôn tôi cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. ***Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên:

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn C của bà Bùi Thị Ch. Cho bà Bùi Thị Ch được ly hôn với ông Bùi Văn C .

Về con chung: Hiện nay các con của bà Ch và ông C đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập, xem xét.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập, xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Bùi Văn Cương là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai, song ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Bà Bùi Thị Ch có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiếp tục xét xử vụ án. Hội đồng xét xử hội ý và quyết định xét xử vắng mặt bà Ch và ông C theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhận: Bà Ch và ông C chung sống với nhau vào năm 1980, đến ngày 20/7/2015 ông bà làm đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Nam, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk, trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Ch trình bày, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do hai người không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi nhau. Ông C thường hay uống rượu say xỉn rồi về chửi bới bà, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vì vậy, bà đã bỏ đi làm ăn xa và sống ly thân với ông C hơn 10 năm nay. Hiện nay bà không còn tình cảm gì với ông C, nên bà xin được ly hôn. Ông C cho rằng trong cuộc sống chung ông hay nóng nảy, có những lời nói không chuẩn mực, dẫn đến vợ chồng xung đột và mâu thuẫn, nên hiện nay bà Chđã đi làm ăn xa, ông cố gắng thay đổi bản thân để vợ chồng đoàn tụ vì con cái. Vì vậy ông không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ vơi bà Ch.

Trong quá trình giải quyết vụ án, qua trình bày của bà Ch cũng như xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông bà sinh sống, địa phương cho biết: “...Quá trình

chung sống bà Ch và ông C có bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau, ông C hay uống rượu, không chịu lao động”...

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay bà Ch và ông C không còn thương yêu, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù ông C không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ với bà Ch. Tuy nhiên, nếu tiếp tục cuộc sống chung của ông bà như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ với bà Ch của ông C, mà cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với ông C của bà Ch. Cho bà Ch được ly hôn với ông C để giải phóng sự ràng buộc cho cả hai người.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 02 con chung, gồm: Bùi Thị B, sinh năm 1983; Bùi Quang H, sinh năm 1989. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[2.4] Về án phí: Cần buộc bà Bùi Thị Ch phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[I] Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên Xử:

[2.1] Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Văn C của bà Bùi Thị Ch. Cho bà Bùi Thị Ch được ly hôn với ông Bùi Văn C.

[2.2] Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[23] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[2.4] Về án phí: Bà Bùi Thị Ch phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân &gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Bùi Thị Ch đã nộp

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EH theo biên lai số: AA/2021/0008863, ngày 13/01/2022.

[3] Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị Ch và ông Bùi Văn C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao Bản án, hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phượng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện EH;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu HS, vi tính.